

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15/4/2025
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Tùng và bà Hồ Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Lệ Giang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 270/2024/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1979. Có mặt

Nơi cư trú: Số nhà B đường F, thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Anh Võ Văn L1, sinh năm 1978. Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm A, xã B (xã Q cũ), huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/7/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đoàn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Văn L1 có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 24/02/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là xã B), huyện Q, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên một thời gian sau đó vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, thường xuyên cãi vã, xung đột và không còn hạnh phúc. Anh L1 không làm tròn trách nhiệm của người chồng, không quan tâm, lo lắng cho gia đình. Chị và anh L1 đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể giải quyết được, anh L1 còn có hành vi bạo lực gia đình, nhiều lần đánh chị. Năm 2019 chị sang Đài Loan để sinh sống và làm việc, vợ chồng sống ly thân từ

đó. Hiện nay chị đã về Việt Nam và sinh sống tại Quảng Nam, hai vợ chồng cũng không liên lạc với nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Cuộc sống chung của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, thời gian vợ chồng sống ly thân đến nay đã hơn 6 năm nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Võ Văn L1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Võ Minh T, sinh ngày 01/01/2009. Hiện con chung đang ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Võ Văn L1 nhưng anh L1 đều vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

Cháu Võ Minh T có nguyện vọng được ở với mẹ.

Kết quả xác minh tại UBND xã B cho biết: Chị Đoàn Thị L và anh Võ Văn L1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là xã B), huyện Q, tỉnh Nghệ An vào ngày 24/02/2007. Việc kết hôn đảm bảo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh L1 và chị L có 01 con chung là Võ Minh T, sinh ngày 01/01/2009. Tại thời điểm xác minh anh L1 có nơi đăng ký thường trú tại xóm A, xã Q (nay là xã B), huyện Q, tỉnh Nghệ An. Anh L1 không có mặt tại địa phương, anh L1 không có nơi tạm trú, thường trú nào khác ngoài địa chỉ trên. Chị L yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn L1, giải quyết về con chung, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử và thư ký phiên toà đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS năm 2015, bị đơn chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 147 BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14:

Về tình cảm: Cho chị Đoàn Thị L được ly hôn anh Võ Văn L1.

Về con chung: Giao cháu Võ Minh T, sinh ngày 01/01/2009 cho chị Đoàn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh L1 vì chị L chưa yêu cầu, anh L1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Chị Đoàn Thị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Võ Văn L1, có nguyện vọng nuôi con chung, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Anh L1 có nơi thường trú tại xóm A, xã Q (nay là xã B), huyện Q, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn anh Võ Văn L1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đoàn Thị L và anh Võ Văn L1 là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không hòa hợp, không quan tâm lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị L kiên quyết ly hôn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Đoàn Thị L được ly hôn với anh Võ Văn L1.

[2.2] Về tranh chấp nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị L có nguyện vọng được nuôi con chung là Võ Minh T, sinh ngày 01/01/2009. Nguyên vọng được nuôi con của chị L là chính đáng, thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ đối với con chung. Từ khi sống ly thân con chung do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn đảm bảo được các điều kiện cho con chung phát triển. Cháu T có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó cần giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh Võ Văn L1.

[2.3] Về tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Lệ .

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đoàn Thị L được ly hôn anh Võ Văn L1.

2. Về con chung: Giao con chung Võ Minh T, sinh ngày 01/01/2009 cho chị Đoàn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh L1 vì chị L không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Chị Đoàn Thị L và anh Võ Văn L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đoàn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo biên lai số 0005806 ngày 14/10/2024.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đoàn Thị L có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn anh Võ Văn L1 có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã Quỳnh Hưng (nay là xã Bình Sơn) (ĐKKH 2007);
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nghệ